

BẢN SAO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÁ CHẤT HƯNG PHÁT HÀ BẮC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán:	06 - 25
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 25

M.S.D.N. 010

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2400395807 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 01 tháng 02 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 25 tháng 03 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Tổng Luận	Chủ tịch	(miễn nhiệm ngày 28 tháng 04 năm 2016)
Ông Phạm Văn Trung	Chủ tịch	(bỏ nhiệm ngày 28 tháng 04 năm 2016)
Ông Nguyễn Xuân Bắc	Ủy viên	(miễn nhiệm ngày 28 tháng 04 năm 2016)
Ông Nguyễn Đức Ninh	Ủy viên	(miễn nhiệm ngày 28 tháng 04 năm 2016)
Ông Phạm Hoàng Hưng	Ủy viên	(bỏ nhiệm ngày 28 tháng 04 năm 2016)
Ông Nguyễn Minh Toàn	Ủy viên	
Ông Trần Văn Quế	Ủy viên	

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Xuân Bắc	Giám đốc	(miễn nhiệm ngày 17 tháng 03 năm 2016)
Ông Phạm Hoàng Hưng	Giám đốc	(bỏ nhiệm ngày 17 tháng 03 năm 2016)
Ông Nguyễn Thế Hùng	Phó Giám đốc	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Đoàn Như Thương	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Thanh Vân	Thành viên
Ông Lê Thanh Hiếu	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Phạm Hoàng Hưng

Giám đốc

Bắc Giang, ngày 13 tháng 02 năm 2017

35 -
ST
LHM
KIE
AA
NK

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc được lập ngày 13 tháng 02 năm 2017, từ trang 06 đến trang 25, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Tại thời điểm 31/12/2016, Báo cáo tài chính của Công ty đang phản ánh tổng số nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là 11,4 tỷ đồng, lỗ lũy kế là 10,06 tỷ đồng. Những điều này cho thấy có yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty vẫn được trình bày dựa trên cơ sở giả định hoạt động liên tục vì Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng Công ty có thể cân đối được dòng tiền để thanh toán các khoản nợ khi đến hạn và phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty.



TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Vũ Xuân Biên

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0743-2013-002-1

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2017

Vũ Xuân Tùng

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 1942-2013-002-1

M.S.D.N. 0103020303 - C.T.1.N
Q. HOÀN KIẾM - TP. HÀ NỘI

NGUYỄN VĂN NGUYỄN
M.S.D.N. 0103020303 - C.T.1.N
Q. HOÀN KIẾM - TP. HÀ NỘI

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		17.481.927.146	12.010.633.425
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	5.179.573.936	5.858.701.199
111	1. Tiền		5.179.573.936	5.858.701.199
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		3.347.673.412	485.930.340
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	2.850.687.600	305.857.350
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	269.940.050	41.309.125
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	227.045.762	138.763.865
140	IV. Hàng tồn kho	7	8.316.179.647	5.666.001.886
141	1. Hàng tồn kho		8.316.179.647	5.666.001.886
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		638.500.151	-
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	73.858.219	-
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13	564.641.932	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		159.206.576.447	171.633.079.803
220	II. Tài sản cố định		159.206.576.447	171.633.079.803
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	159.206.576.447	171.633.079.803
222	- Nguyên giá		205.246.080.785	205.246.080.785
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(46.039.504.338)	(33.613.000.982)
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		176.688.503.593	183.643.713.228

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

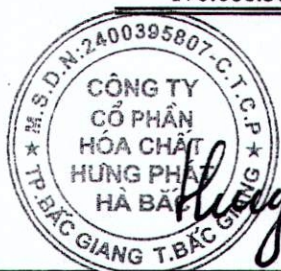
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		97.251.327.544	108.966.875.999
310	I. Nợ ngắn hạn		28.912.132.964	21.860.978.379
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	4.061.445.741	5.000.242.563
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	12	22.921.690	168.225.990
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	271.330.913	258.477.374
314	4. Phải trả người lao động		945.891.813	1.031.847.580
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	550.042.746	558.803.000
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	1.545.530.661	871.148.872
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	10	21.501.096.400	13.952.260.000
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		13.873.000	19.973.000
330	II. Nợ dài hạn		68.339.194.580	87.105.897.620
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	10	68.339.194.580	87.105.897.620
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		79.437.176.049	74.676.837.229
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	79.437.176.049	74.676.837.229
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		84.000.000.000	84.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		84.000.000.000	84.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		5.501.266.000	5.501.266.000
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(10.064.089.951)	(14.824.428.771)
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(14.164.539.271)	(5.397.988.402)
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		4.100.449.320	(9.426.440.369)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		176.688.503.593	183.643.713.228

Nguyễn Thị Thanh Tâm
 Người lập biểu

Bắc Giang, ngày 13 tháng 02 năm 2017

Thân Thị Hà
 Phụ trách kế toán

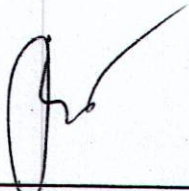


Phạm Hoàng Hưng
 Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016		Năm 2015	
			VND		VND	
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	53.933.261.818	58.751.613.229		
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-		
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		53.933.261.818	58.751.613.229		
11	4. Giá vốn hàng bán	18	36.563.615.958	44.535.131.993		
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		17.369.645.860	14.216.481.236		
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19	38.916.005	40.367.388		
22	7. Chi phí tài chính	20	6.970.589.542	17.169.665.476		
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		6.060.645.082	7.067.565.924		
25	8. Chi phí bán hàng	21	2.114.997.569	2.591.287.267		
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	4.864.224.931	4.151.717.735		
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		3.458.749.823	(9.655.821.854)		
31	11. Thu nhập khác	23	645.887.307	234.460.403		
32	12. Chi phí khác		4.187.810	5.078.918		
40	13. Lợi nhuận khác		641.699.497	229.381.485		
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		4.100.449.320	(9.426.440.369)		
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24	-	-		
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>4.100.449.320</u>	<u>(9.426.440.369)</u>		
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25	488	(1.122)		



Nguyễn Thị Thanh Tâm
 Người lập biểu
 Bắc Giang, ngày 13 tháng 02 năm 2017



Thân Thị Hà
 Phụ trách kế toán




Phạm Hoàng Hưng
 Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2016
 (Theo phương pháp gián tiếp)

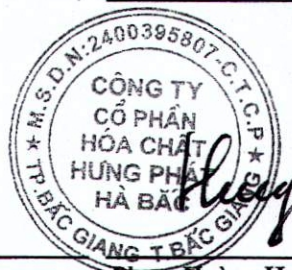
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm	
			2016	2015
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		4.100.449.320	(9.426.440.369)
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		13.086.392.856	13.271.952.250
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		909.944.460	10.102.099.552
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(38.916.005)	(267.912.843)
06	- Chi phí lãi vay		6.060.645.082	7.067.565.924
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		24.118.515.713	20.747.264.514
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(3.426.385.004)	2.782.056.379
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(2.650.177.761)	755.260.832
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(580.487.361)	(1.352.613.703)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(73.858.219)	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(5.971.528.336)	(7.067.565.924)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(6.100.000)	(106.155.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		11.409.979.032	15.758.247.098
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	(345.454.545)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	227.545.455
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		38.916.005	40.367.388
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		38.916.005	(77.541.702)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		14.728.976.926	24.457.073.555
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(26.856.788.026)	(39.063.550.775)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(211.200)	(2.071.800)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(12.128.022.300)	(14.608.549.020)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(679.127.263)	1.072.156.376
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		5.858.701.199	4.786.544.823
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	5.179.573.936	5.858.701.199



Nguyễn Thị Thanh Tâm
 Người lập biểu
 Bắc Giang, ngày 13 tháng 02 năm 2017



Thân Thị Hà
 Phụ trách kế toán



Phạm Hoàng Hưng
 Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hóa chất Hưng Phát Hà Bắc được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2400395807 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 01 tháng 02 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 25 tháng 03 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Phường Thọ Xương, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký cũng như vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 84.000.000.000 đồng; tương đương 8.400.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và buôn bán hóa chất H₂O₂.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.6. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

2.8. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 50	năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 15	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05	năm

2.9. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.11. Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.12. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.13. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.14. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.15. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.16. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.17. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm chi phí lãi vay và lỗ tỷ giá hối đoái.

2.18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

2.19. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Tiền mặt	155.936.733	92.972.082
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.023.637.203	5.765.729.117
	<u>5.179.573.936</u>	<u>5.858.701.199</u>

4. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Công ty TNHH Hoá chất và Môi trường Vũ Hoàng	1.630.789.600	-
- Công ty TNHH Trần Lê Anh	705.962.400	295.425.150
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thương mại Sản xuất Hóa chất Đắc Trường Phát	240.527.900	-
- Cty TNHH Hóa chất Tân Phú Cường	208.692.000	40.000
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nam Á	38.071.200	-
- Công ty Cổ phần Khí Công nghiệp Long Biên	26.643.700	-
- Công ty TNHH An Hòa	800	800
- Công ty Cổ phần Ứng dụng kỹ thuật Kukjea Việt Nam	-	2.922.400
- Công ty Cổ phần Pentaco Group	-	7.469.000
	2.850.687.600	305.857.350

5. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Công ty Cổ phần Công nghệ Nano ứng dụng	269.940.000	-
- Công ty TNHH Thương mại & Kỹ thuật Châu Á	-	41.309.125
- Công ty Cổ phần Bột giặt và Hóa chất Đức Giang	50	-
	269.940.050	41.309.125

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Phải thu về bảo hiểm xã hội	905	-	-	-
- Tạm ứng	202.900.000	-	110.900.000	-
- Phải thu khác	24.144.857	-	27.863.865	-
	227.045.762	-	138.763.865	-

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Nguyên liệu, vật liệu	5.840.820.873	-	4.793.127.227	-
- Công cụ, dụng cụ	129.781.000	-	146.781.000	-
- Thành phẩm	2.345.577.774	-	726.093.659	-
	8.316.179.647	-	5.666.001.886	-

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	26.054.643.113	178.675.983.127	345.454.545	-	170.000.000	205.246.080.785
Số dư cuối năm	<u>26.054.643.113</u>	<u>178.675.983.127</u>	<u>345.454.545</u>	-	<u>170.000.000</u>	<u>205.246.080.785</u>
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	3.819.783.001	29.653.783.999	102.128.431	-	37.305.551	33.613.000.982
- Khấu hao trong năm	1.015.465.404	11.921.775.936	115.151.520	-	33.999.996	13.086.392.856
- Giảm khác (*)	(659.889.500)	-	-	-	-	(659.889.500)
Số dư cuối năm	<u>4.175.358.905</u>	<u>41.575.559.935</u>	<u>217.279.951</u>	-	<u>71.305.547</u>	<u>46.039.504.338</u>
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	22.234.860.112	149.022.199.128	243.326.114	-	132.694.449	171.633.079.803
Tại ngày cuối năm	<u>21.879.284.208</u>	<u>137.100.423.192</u>	<u>128.174.594</u>	-	<u>98.694.453</u>	<u>159.206.576.447</u>

(*): Công ty quyết định điều chỉnh thời gian khấu hao của TSCĐ là Nhà văn phòng từ 10 năm thành 20 năm, đồng thời điều chỉnh giảm giá trị hao mòn lũy kế và tăng lợi nhuận chưa phân phối tương ứng với chi phí khấu hao đã trích thừa các năm 2012 - 2015.

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 158.979.707.400 VND.
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 53.636.364 VND.

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Chi phí bảo hiểm cháy nổ năm 2017	73.858.219	-
	<u>73.858.219</u>	<u>-</u>

10. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2016		Trong năm		31/12/2016	
	Giá trị	Có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
- Vay ngắn hạn	-	-	14.728.976.926	12.941.230.526	1.787.746.400	1.787.746.400
- Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	13.952.260.000	13.952.260.000	19.676.647.500	13.915.557.500	19.713.350.000	19.713.350.000
	13.952.260.000	13.952.260.000	34.405.624.426	26.856.788.026	21.501.096.400	21.501.096.400
b) Vay dài hạn						
- Vay dài hạn	101.058.157.620	101.058.157.620	909.944.460	13.915.557.500	88.052.544.580	88.052.544.580
	101.058.157.620	101.058.157.620	909.944.460	13.915.557.500	88.052.544.580	88.052.544.580
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(13.952.260.000)	(13.952.260.000)	(19.676.647.500)	(13.915.557.500)	(19.713.350.000)	(19.713.350.000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	87.105.897.620	87.105.897.620			68.339.194.580	68.339.194.580

Thông tin chi tiết liên quan đến khoản vay ngắn hạn

Số hợp đồng	Loại tiền	Lãi suất	Hình thức đảm bảo	31/12/2016		01/01/2016	
				VND		VND	
Hợp đồng hạn mức số 005/16/HM/BG ngày 29/01/2016 tại Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - CN Bắc Giang	VND	6,5%/năm	Tài sản được hình thành trong tương lai từ vốn vay, vốn tự có thuộc dự án đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất H2O2	1.787.746.400		-	
				1.787.746.400		-	

Thông tin chi tiết liên quan đến khoản vay dài hạn

Số hợp đồng	Thời gian đáo hạn	Loại tiền	Lãi suất	Hình thức đảm bảo	31/12/2016		01/01/2016	
					Nguyên tệ	Quy đổi	Nguyên tệ	Quy đổi
					USD	VND	USD	VND
0001-018-01/HĐTD ngày 15/07/2010 tại Ngân hàng Công thương Việt Nam - CN Bắc Giang	07/09/2020	USD	6%/năm	Tài sản được hình thành trong tương lai từ vốn vay, vốn tự có thuộc dự án đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất H2O2	1.947.879	44.372.683.620	2.242.879	50.554.492.660
01/10/ĐTDA/BG ngày 15/07/2010 tại Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - CN Bắc Giang	07/09/2020	USD	6%/năm	Tài sản được hình thành trong tương lai từ vốn vay, vốn tự có thuộc dự án đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất H2O2	1.916.624	43.679.860.960	2.240.624	50.503.664.960
					3.864.503	88.052.544.580	4.483.503	101.058.157.620
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng						(19.713.350.000)		(13.952.260.000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng						68.339.194.580		87.105.897.620

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	4.061.445.741	4.061.445.741	4.974.815.563	4.974.815.563
Công ty TNHH Rượu - Nước giải khát HaBa	-	-	25.427.000	25.427.000
	4.061.445.741	4.061.445.741	5.000.242.563	5.000.242.563

12. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thương mại Sản xuất Hóa chất Đắc Trường Phát	-	161.045.300
Công ty Cổ phần Pentaco Group	13.405.000	-
Các khách hàng khác	9.516.690	7.180.690
	22.921.690	168.225.990

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải nộp đầu năm VND	Số phải thu trong năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số phải thu cuối năm VND	Số phải nộp cuối năm VND
Thuế giá trị gia tăng	258.457.084	-	3.118.765.880	3.105.892.051	-	271.330.913
Thuế thu nhập cá nhân	20.290	-	13.677.025	13.697.315	-	-
Thuế nhà đất, Tiền thuê đất (*)	-	616.770.566	52.128.634	-	564.641.932	-
Thuế môn bài	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
	258.477.374	616.770.566	3.187.571.539	3.122.589.366	564.641.932	271.330.913

(*) Điều chỉnh phải thu lại tiền thuê đất đã nộp và hạch toán tính đến cuối năm 2015, đồng thời tính tiền thuê đất phải nộp năm 2016 theo Quyết định số 3029/QĐ-CT ngày 28/07/2016 của Cục Thuế tỉnh Bắc Giang điều chỉnh cho Quyết định số 260/QĐ-CT ngày 24/01/2014 về việc miễn tiền thuê đất 3 năm (từ tháng 07/2010 đến tháng 06/2013 thay vì từ 01/01/2014 đến 31/12/2016) và thông báo số 5265/TB-CT ngày 21/12/2016 của Cục Thuế tỉnh Bắc Giang về đơn giá thuê đất từ năm 2015 đến năm 2019 của Công ty.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	89.116.746	-
- Trích trước chi phí hỗ trợ vận chuyển cho khách hàng	460.926.000	558.803.000
	550.042.746	558.803.000

15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	13.897.515	14.010.680
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	900.000	900.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	576.069.280	576.280.480
- Vật tư nhập kho chưa thanh toán	747.066.291	45.819.275
- Quỹ thưởng BGD và các quỹ công đoàn	113.153.976	124.166.572
- Thù lao HĐQT, BKS, TK HĐQT	38.957.524	57.957.524
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	55.486.075	52.014.341
	1.545.530.661	871.148.872

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	84.000.000.000	5.501.266.000	(5.397.988.402)	84.103.277.598
Lỗi trong năm trước	-	-	(9.426.440.369)	(9.426.440.369)
Số dư cuối năm trước	84.000.000.000	5.501.266.000	(14.824.428.771)	74.676.837.229
Số dư đầu năm nay	84.000.000.000	5.501.266.000	(14.824.428.771)	74.676.837.229
Lãi trong năm nay	-	-	4.100.449.320	4.100.449.320
Tặng khác (*)	-	-	659.889.500	659.889.500
Số dư cuối năm nay	84.000.000.000	5.501.266.000	(10.064.089.951)	79.437.176.049

(*): Công ty quyết định điều chỉnh thời gian khấu hao của TSCĐ là Nhà văn phòng từ 10 năm thành 20 năm, đồng thời điều chỉnh giảm giá trị hao mòn lũy kế và tăng lợi nhuận chưa phân phối tương ứng với chi phí khấu hao đã trích thừa các năm 2012 - 2015.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Giá trị VND
Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hoá chất Hà Bắc	64,56%	54.230.000.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hà Anh	11,90%	9.998.000.000
Công ty Cổ phần Hóa chất Công nghiệp Tân Long	6,67%	5.600.000.000
Các cổ đông khác	16,87%	14.172.000.000
	100%	84.000.000.000

c) Cổ phiếu

	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.400.000	8.400.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.400.000	8.400.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.400.000	8.400.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.400.000	8.400.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.400.000	8.400.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

d) Các quỹ công ty

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	5.501.266.000	5.501.266.000
	5.501.266.000	5.501.266.000

17. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa thương mại	-	5.682.660.000
Doanh thu bán thành phẩm sản xuất	53.933.261.818	53.068.953.229
	53.933.261.818	58.751.613.229

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	-	5.706.843.638
Giá vốn của thành phẩm đã bán	36.563.615.958	38.828.288.355
	36.563.615.958	44.535.131.993

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi	38.916.005	40.367.388
	38.916.005	40.367.388

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền vay	6.060.645.082	7.067.565.924
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	909.944.460	10.102.099.552
	6.970.589.542	17.169.665.476

USD

21. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	4.467.255
Chi phí nhân công	306.450.773	285.608.616
Chi phí khấu hao tài sản cố định	33.999.996	33.999.996
Chi phí khác bằng tiền	1.774.546.800	2.267.211.400
	2.114.997.569	2.591.287.267

22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	64.542.266	124.172.787
Chi phí nhân công	2.995.679.862	2.062.319.462
Chi phí khấu hao tài sản cố định	251.104.764	436.664.158
Thuế, phí, lệ phí	102.170.142	36.951.095
Chi phí dịch vụ mua ngoài	316.244.380	480.949.720
Chi phí khác bằng tiền	1.134.483.517	1.010.660.513
	4.864.224.931	4.151.717.735

23. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	227.545.455
Tiền phạt thu được	-	5.121.930
Thuế được giảm	616.770.566	-
Hoàn nhập chi phí hỗ trợ vận chuyển đã trích năm trước	18.739.000	-
Các khoản nợ khác không phải trả	10.377.741	-
Thu nhập khác	-	1.793.018
	645.887.307	234.460.403

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	4.100.449.320	(9.426.440.369)
Các khoản điều chỉnh giảm	(4.100.449.320)	-
- Chuyển lỗ các năm trước	(4.100.449.320)	-
Thu nhập tính thuế TNDN	-	(9.426.440.369)
Thuế suất thuế TNDN	20%	22%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	4.100.449.320	(9.426.440.369)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	4.100.449.320	(9.426.440.369)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	8.400.000	8.400.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	488	(1.122)

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	22.174.866.568	20.677.867.310
Chi phí nhân công	6.283.475.669	6.036.496.532
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.086.392.856	13.271.952.250
Chi phí dịch vụ mua ngoài	365.213.380	620.904.265
Chi phí khác bằng tiền	3.205.680.459	3.453.085.913
	45.115.628.932	44.060.306.270

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.179.573.936	-	5.858.701.199	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	3.077.733.362	-	444.621.215	-
	8.257.307.298	-	6.303.322.414	-

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	89.840.290.980	101.058.157.620
Phải trả người bán, phải trả khác	5.606.976.402	5.871.391.435
Chi phí phải trả	550.042.746	558.803.000
	95.997.310.128	107.488.352.055

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.179.573.936	-	-	5.179.573.936
Phải thu khách hàng, phải thu khác	3.077.733.362	-	-	3.077.733.362
	8.257.307.298	-	-	8.257.307.298
Tại ngày 01/01/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.858.701.199	-	-	5.858.701.199
Phải thu khách hàng, phải thu khác	444.621.215	-	-	444.621.215
	6.303.322.414	-	-	6.303.322.414

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2016				
Vay và nợ	21.501.096.400	68.339.194.580	-	89.840.290.980
Phải trả người bán, phải trả khác	5.606.976.402	-	-	5.606.976.402
Chi phí phải trả	550.042.746	-	-	550.042.746
	27.658.115.548	68.339.194.580	-	95.997.310.128
Tại ngày 01/01/2016				
Vay và nợ	13.952.260.000	87.105.897.620	-	101.058.157.620
Phải trả người bán, phải trả khác	5.871.391.435	-	-	5.871.391.435
Chi phí phải trả	558.803.000	-	-	558.803.000
	20.382.454.435	87.105.897.620	-	107.488.352.055

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

28. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

29. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Do hoạt động của Công ty chủ yếu chỉ tập trung vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh H₂O₂ và chỉ phát sinh tại tỉnh Bắc Giang nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Mua nguyên vật liệu			
Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	Công ty mẹ	13.192.952.176	12.544.880.685

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

Mối quan hệ	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND

Phải trả người bán ngắn hạn

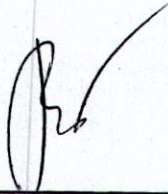
Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	Công ty mẹ	4.061.445.741	4.974.815.563
---	------------	---------------	---------------

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	749.523.667	727.611.753

31. SỐ LIỆU SO SÁNH


Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Nguyễn Thị Thanh Tâm

Người lập biểu

Bắc Giang, ngày 13 tháng 02 năm 2017



CHỦ TỊCH
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
 Thân Thị Hà Phạm Hoàng Hưng
 Phụ trách kế toán Giám đốc
 09 -11- 2017
 SỐ CT: 11119.....Q.SỐ: 07.....SCT-BS



CHỦ TỊCH
Phùng Thị Thu Hiền

